

TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN T,  
TỈNH ANGIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 41/2023/HNGĐ-ST

Ngày: 31 – 01 – 2023

“V/v Ly hôn giữa  
chị Tr và anh D”

NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN T, TỈNH AN GIANG

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Bà Hồ Thị Kim Phương

*Các Hội thẩm nhân dân:*

- Ông Võ Thái Quân
- Bà Nguyễn Thị Kim Chi

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Phạm Minh Cảnh là Thư ký Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh An Giang.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T tham gia phiên tòa:**

Ông Lê Thanh Phong – Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 01 năm 2023 tại Tòa án nhân dân huyện T xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 507/2022/TLST-HNGĐ ngày 13 tháng 12 năm 2022 về việc Ly hôn, tranh chấp về nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 267/2022/QĐST-HNGĐ ngày 27 tháng 12 năm 2022, giữa các đương sự:

*1. Nguyên đơn:* chị Tr, sinh năm 1986 (có đơn xin vắng mặt).

Nơi thường trú: Số 501, tổ 09, ấp B, xã L, huyện T, tỉnh An Giang.

*2. Bị đơn:* anh D (tên thường gọi là N), sinh năm 1981 (vắng mặt).

Nơi thường trú: tổ 10, ấp A, xã L, huyện T, tỉnh An Giang.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

- Tại đơn khởi kiện ngày 30 tháng 11 năm 2022 và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Tr trình bày:

+ Quan hệ hôn nhân: năm 2008 chị và anh D tìm hiểu về tình cảm và anh chị đồng ý kết hôn, năm 2009 đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã L, huyện T, tỉnh An Giang, Giấy chứng nhận kết hôn số 185 ngày 11/8/2009. Vợ chồng sống hạnh phúc, đến năm 2011 phát sinh mâu thuẫn do anh D không lo làm ăn, anh ăn chơi gây nợ nần, chị phải trả nợ, chị và cha mẹ hai bên khuyên can nhưng anh vẫn không sửa đổi, vợ chồng thường xuyên cãi vã, nhiều lần anh D đánh chị, do không chịu đựng được nên chị bỏ về nhà cha mẹ để ở, từ năm 2012 đến nay anh chị ly thân, thời gian ly thân anh D có đến thăm con được hai lần, hai bên không hàn gắn. Nay, chị không còn tình cảm chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh D.

- Nuôi con chung: anh chị có 01 con chung tên K, sinh ngày 21/9/2010, chị Tr nuôi con từ lúc vợ chồng ly thân đến nay, chị yêu cầu tiếp tục nuôi con và không yêu cầu anh D cấp dưỡng cho con, vì chị có điều kiện nuôi con, chị đang làm công nhân tại tỉnh Bình Dương, thu nhập bình quân 9.000.000đ/tháng.

- Về chia tài sản và nợ chung: không có.

Ngày 15 tháng 12 năm 2022 chị Tr có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

- Bị đơn là anh D đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vẫn vắng mặt không có lý do, không cung cấp tài liệu, chứng cứ, không có lời khai và không có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

Tại Biên bản lấy lời khai của người làm chứng ngày 15 tháng 12 năm 2022 của Tòa án lấy khai bà L1 cho biết, bà là mẹ ruột chị Tr, sau đám cưới chị Tr về sống bên nhà chồng, năm 2011 chị Tr và anh D mâu thuẫn do anh D ăn chơi cờ bạc, rượu chè, anh chị thường xuyên cãi vã, nhiều lần anh D đánh chị Tr, bà cùng mẹ ruột và anh em của anh D khuyên can nhưng anh D không sửa đổi. Từ năm 2011 chị Tr mang con về nhà bà ở và ly thân anh D, năm 2015 anh D có đến nhà đòi ly hôn chị Tr. Hai bên đã ly thân hơn mười năm, hiện nay chị Tr và anh D đã có vợ và có chồng khác, bà đề nghị Tòa án cho chị Tr và anh D ly hôn.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 26 tháng 12 năm 2022 của Tòa án lấy khai bà H cho biết, bà là mẹ ruột anh D, sau khi kết hôn vợ chồng Dũng, Trung sống với gia đình bà, đến năm 2011 phát sinh mâu thuẫn, vợ chồng thường xuyên cãi vã và chị Tr bỏ về nhà mẹ ruột ở cho đến nay. Hiện nay anh D đã có vợ khác, bà đề nghị Tòa án cho anh D và chị Tr ly hôn.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến, việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về giải quyết vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Tr đối với anh D theo khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình; về nuôi con chung, giao con chung tên K, sinh ngày 21/9/201 cho chị Tr nuôi dưỡng, chị Tr không yêu cầu anh D cấp dưỡng nuôi con nên không đề cập; chia tài sản và nợ chung không có; về án phí chị Tr phải chịu án phí theo quy định.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Về thủ tục tố tụng: chị Tr khởi kiện yêu cầu ly hôn với anh D, Tòa án thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự. Chị Tr có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, anh D đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do, không có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt chị Tr và anh D.

[2] Về nội dung giải quyết vụ án:

[2.1] Hôn nhân của chị Tr và anh D là hợp pháp, vì anh chị có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật. Xét tình trạng hôn nhân của anh chị thấy rằng vợ chồng mâu thuẫn do anh D ăn chơi, không lo làm ăn, bỏ mặc chị Tr muốn sống ra sao thì sống và có hành vi bạo hành đánh chị Tr, người thân hai bên có khuyên bảo nhưng anh D vẫn không sửa đổi, thời gian ly thân anh chị không hàn gắn, hiện nay hai bên đã có vợ, có chồng khác. Cho thấy hôn nhân của anh chị lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị Tr và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát, cho ly hôn giữa chị Tr và anh D.

[2.2] Về nuôi con chung: chị Tr yêu cầu tiếp tục nuôi con chung tên K, sinh ngày 21/9/2010, chị đang nuôi dưỡng, chị Tr không yêu cầu anh D cấp dưỡng nuôi con. Từ lúc ly thân đến nay chị Tr nuôi con và cháu Khôi đã trên 07 tuổi cũng có nguyện vọng sống với mẹ. Căn cứ khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử giao cháu K cho chị Tr trực tiếp nuôi dưỡng. Tại khoản 2 Điều 82 Luật Hôn nhân và gia đình quy định: “Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con”, nhưng chị Tr không yêu cầu anh D cấp dưỡng cho con là tự nguyện của chị, Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.3] Căn cứ khoản 3 Điều 82, Điều 83, 84, 116 Luật Hôn nhân và gia đình anh D được quyền tới lui thăm nom con chung, không ai được cản trở anh thực hiện quyền này; vì lợi ích của con khi cần thiết một hoặc cả hai bên có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi việc nuôi con hay mức cấp dưỡng nuôi con.

[2.4] Về chia tài sản: không có.

[2.5] Về nợ chung: ghi nhận chị Tr xác định không có nợ chung, nhưng sau khi bản án ly hôn có hiệu lực pháp luật, nếu có đương sự xuất trình chứng cứ chứng minh nợ chung của chị Tr và anh D trong thời kỳ hôn nhân thì hai bên phải liên đới chịu trách nhiệm trong vụ án khác.

[3] Về án phí sơ thẩm, chị Tr phải chịu án phí hôn nhân theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 56, khoản 2 Điều 81, khoản 3 Điều 82, Điều 83, 84, 116 của Luật Hôn nhân và gia đình;

- Căn cứ khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

*Tuyên xử:*

1. Quan hệ hôn nhân: cho ly hôn giữa chị Tr và anh D, Giấy chứng nhận kết hôn số 185 ngày 11/8/2009 của Ủy ban nhân dân xã L, huyện T, tỉnh An Giang không còn giá trị pháp lý.

2. Về nuôi con chung: giao con chung tên K, sinh ngày 21/9/2010 cho chị Tr nuôi, chị Tr đang nuôi dưỡng. Chị Tr không yêu cầu anh D cấp dưỡng nuôi con, nên anh D không phải cấp dưỡng nuôi con.

Anh D không trực tiếp nuôi con, anh có quyền và nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Vì lợi ích của con khi cần thiết một hoặc cả hai bên có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi việc nuôi con hay mức cấp dưỡng cho con.

3. Về chia tài sản: không có.

Về nợ chung: ghi nhận chị Tr xác định không có nợ chung, nhưng sau khi bản án ly hôn có hiệu lực pháp luật, nếu có đương sự xuất trình chứng cứ chứng minh nợ chung của chị Tr và anh D trong thời kỳ hôn nhân thì hai bên phải liên đới chịu trách nhiệm trong vụ án khác.

4. Về án phí hôn nhân sơ thẩm:

- Chị Tr phải chịu án phí 300.000 đồng, được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0005863 ngày 12- 12 - 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T, tỉnh An Giang.

5. Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

6. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

**Nơi nhận:**

- Các đương sự;
- VKSND huyện T;
- Chi cục THADS H. Phú Tân;
- UBND xã Hòa Lạc;
- Lưu hồ sơ vụ án, văn phòng;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Hồ Thị Kim Phương**